CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dược Trung ương Mediplantex

Ngày 31/12/2025	23,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.7%	**4.0%**	**5.4%**

DT thuần
Q4/25
118
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.9| 35.0%
YoY: ▲ 12.0| 11.0%

LN thuần
Q4/25
7.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.13| 42.3%
YoY: ▲ 3.29| 84.9%

LN sau thuế
Q4/25
6.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.23| 57.0%
YoY: ▲ 3.24| 112%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
6.0%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE
2025
4.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

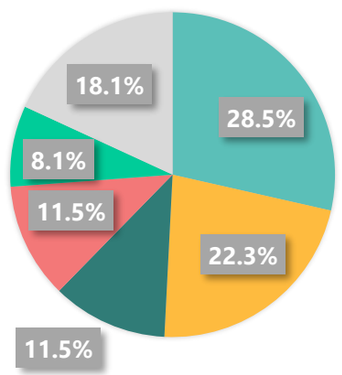
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,100 - 27,127
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	292
Số lượng CPLH (CP)	12,410,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	1,231
P/E	19.1

DT thuần
2025
367
tỷ VNĐ
YoY: ▼76.0| -17.2%

LN thuần
2025
18.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30| 1.7%

LN sau thuế
2025
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10| 0.2%

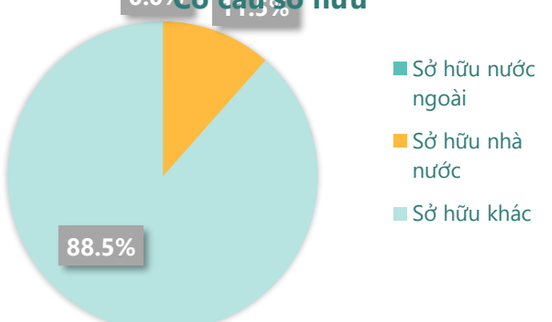
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Ngọc Xuân Trang (Chủ tịch HĐQT)
- Trần Nguyễn Hoàng Phúc (Thành viên HĐQT)
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Nguyễn Văn Khái
- Trần Hoàng Dũng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

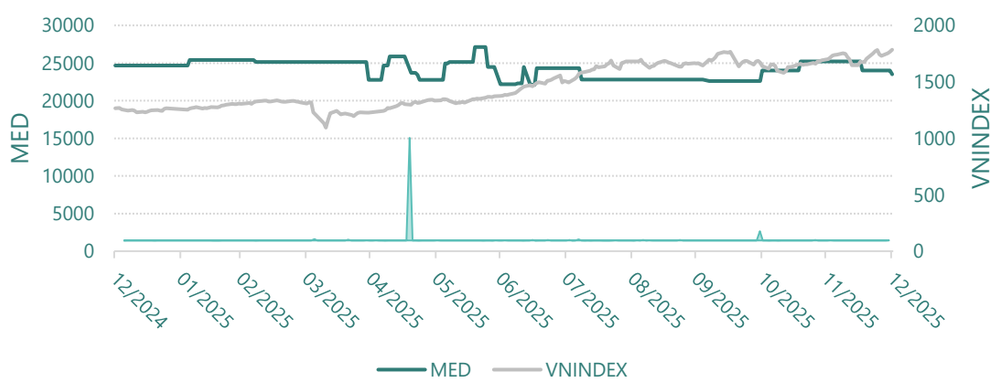
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

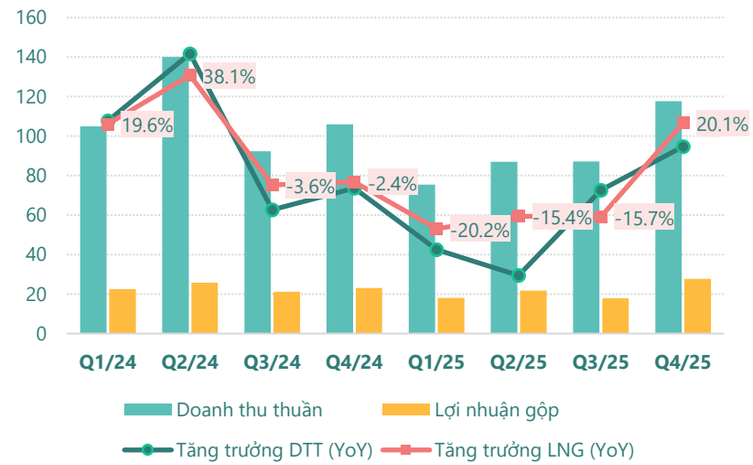
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



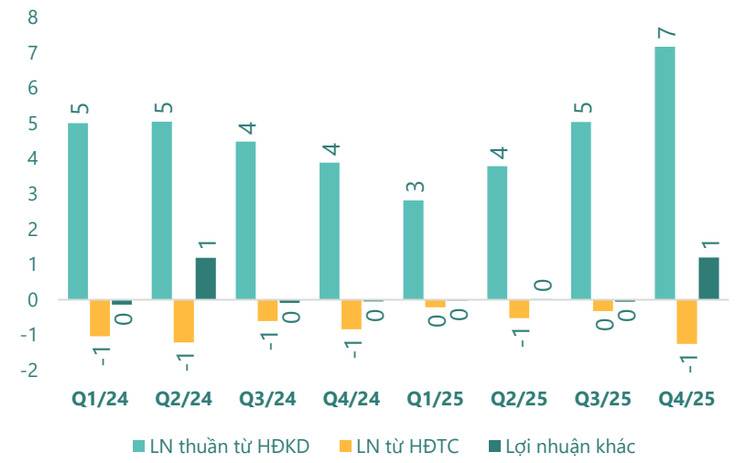
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



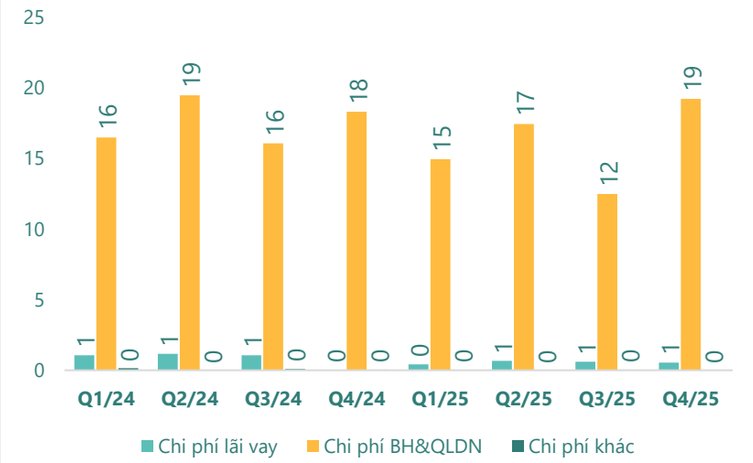
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



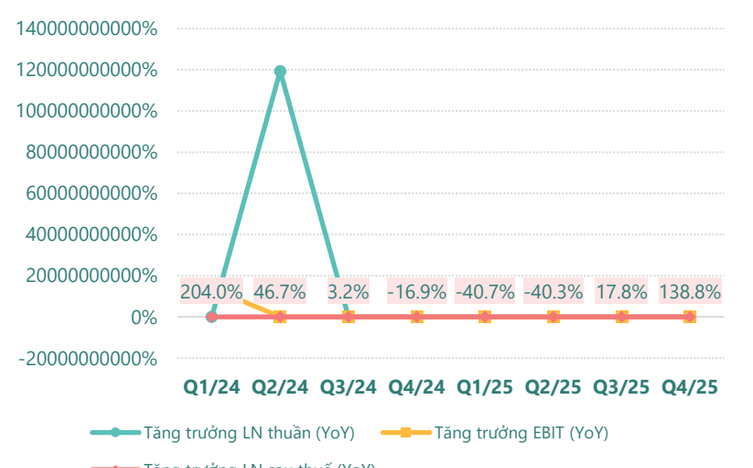
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



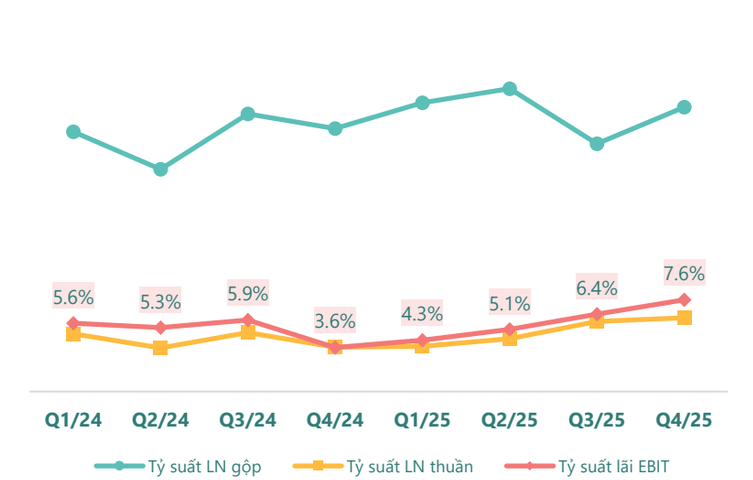
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



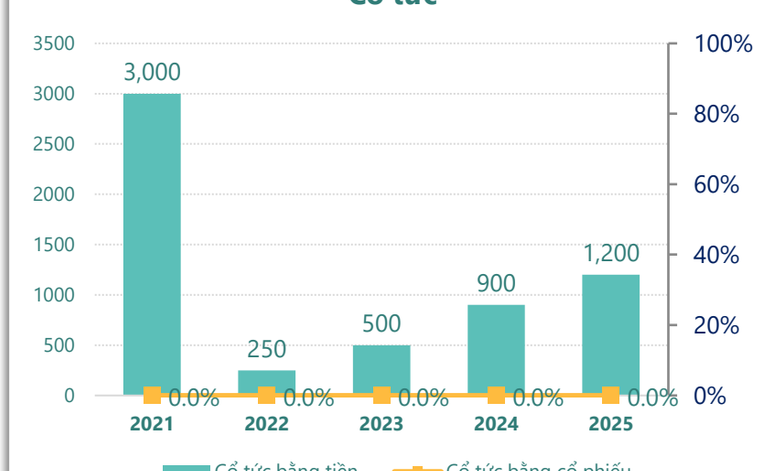
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

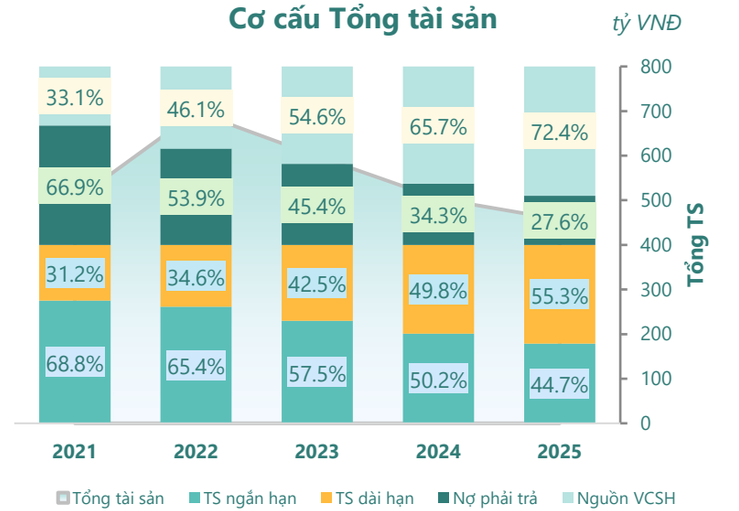
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

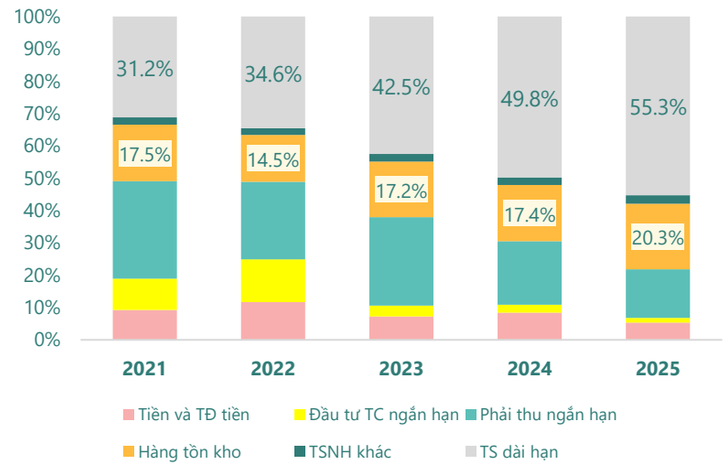
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



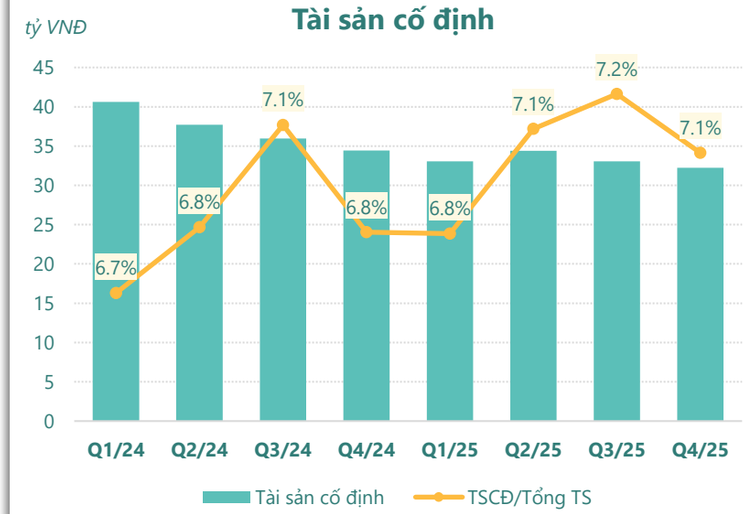
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



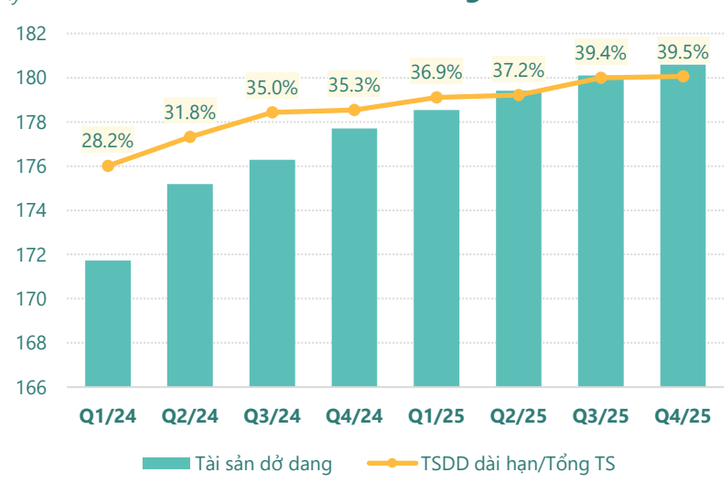
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



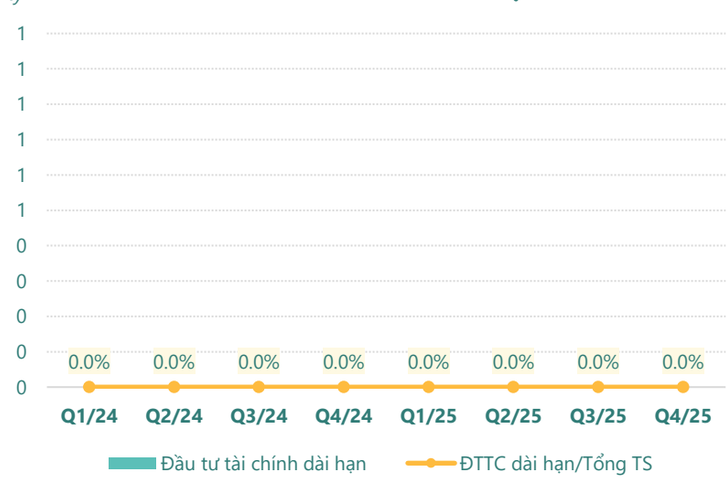
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



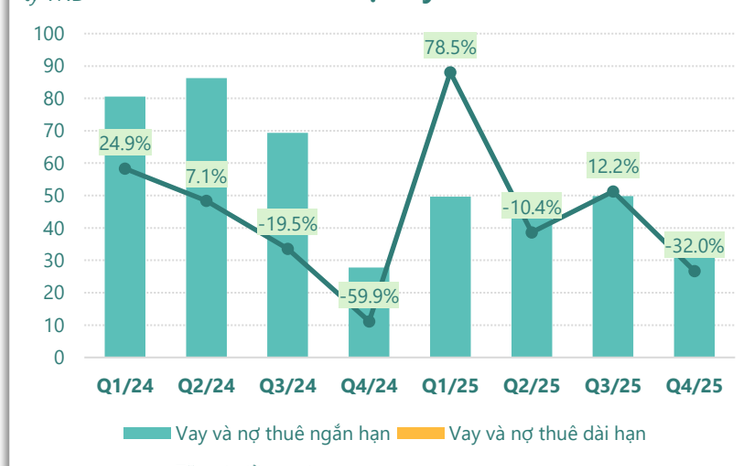
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

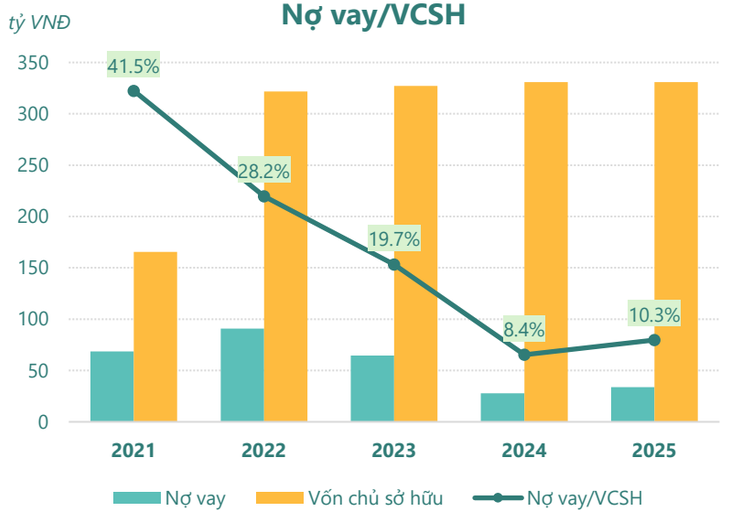
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

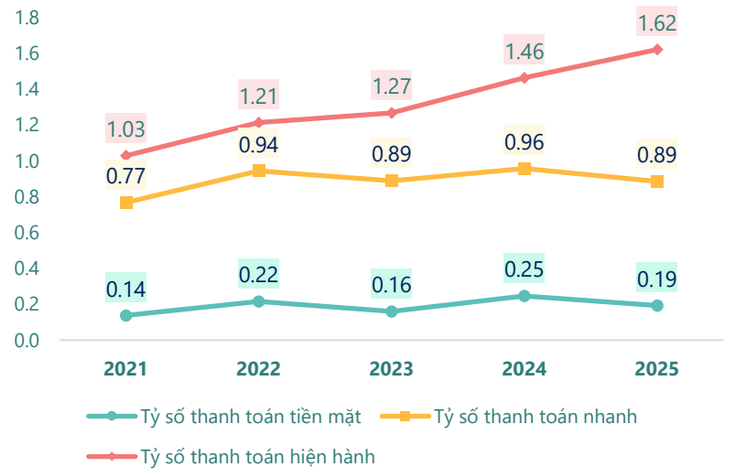
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



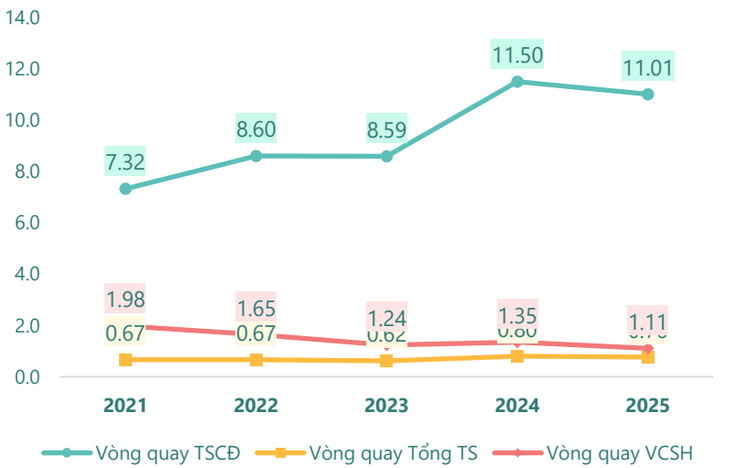
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



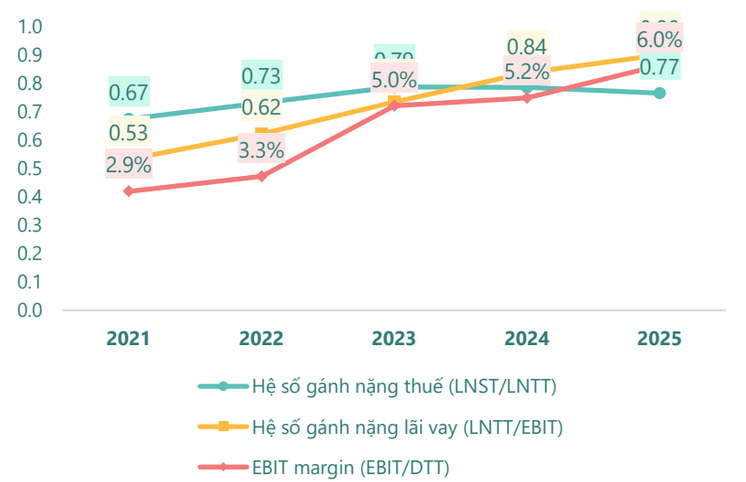
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



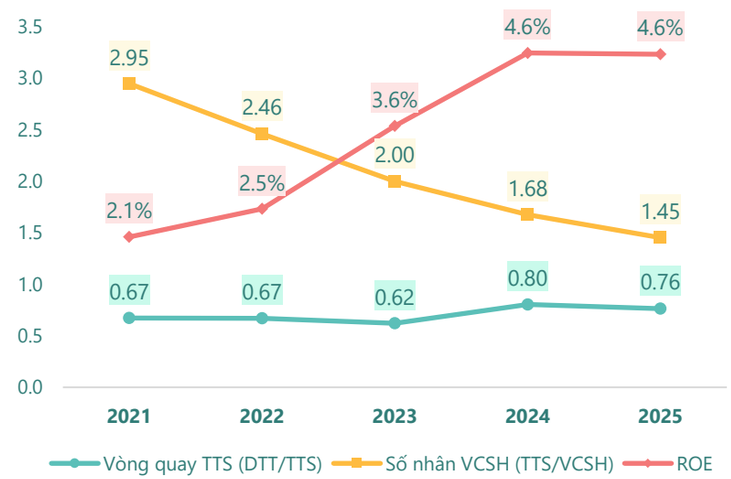
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



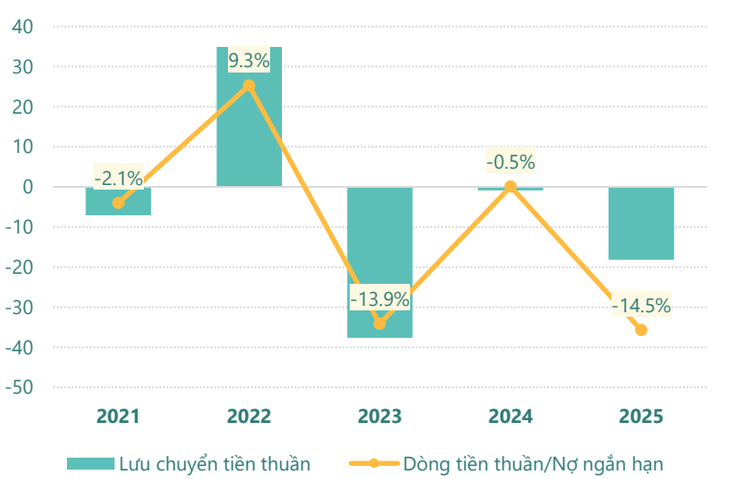
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**118**	**106**	**11.0%**	**367**	**443**	**-17.2%**
Giá vốn hàng bán	90.0	82.9	8.5%	282	351	-19.6%
Lợi nhuận gộp	27.7	23.0	20.3%	85.3	92.6	-7.9%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.52	-91.7%	1.37	2.19	-37.6%
Chi phí TC	1.30	1.36	-4.7%	3.67	5.88	-37.6%
Chi phí lãi vay	0.55	0.02	2657%	2.22	3.79	-41.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.39	1.29	8.1%	4.78	7.96	-40.0%
Chi phí QLDN	**17.8**	**17.0**	**4.9%**	**59.4**	**62.4**	**-4.9%**
LN thuần từ HĐKD	7.17	3.88	84.9%	18.8	18.5	1.7%
Lợi nhuận khác	**1.19**	**-0.05**	**2488%**	**1.13**	**0.91**	**24.2%**
LN trước thuế	8.37	3.84	118%	19.9	19.4	2.7%
Lợi nhuận sau thuế	**6.14**	**2.90**	**112%**	**15.3**	**15.2**	**0.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.14**	**2.90**	**112%**	**15.3**	**15.2**	**0.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.3	29.8	-26.9	-3.18	-3.81	18.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.6	16.6	3.41	-5.26	5.91	-3.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.3	-39.6	15.4	1.19	-4.38	-16.0
Tiền đầu kỳ	42.4	35.7	42.6	34.5	27.3	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.60**	**6.87**	**-8.07**	**-7.25**	**-2.28**	**-0.60**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0	0	0.01	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	35.7	42.6	34.5	27.3	25.0	24.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**457**	**504**	**-9.3%**
Tài sản ngắn hạn	204	253	-19.3%
Tiền và tương đương tiền	24.4	42.6	-42.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.70	12.0	-44.2%
Phải thu ngắn hạn	68.4	99.2	-31.0%
Hàng tồn kho	92.7	87.5	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.0	11.8	2.0%
Tài sản dài hạn	**252**	**251**	**0.7%**
Phải thu dài hạn	5.28	4.29	23.0%
Tài sản cố định	32.2	34.4	-6.4%
Bất động sản đầu tư	1.63	1.88	-13.2%
Tài sản dở dang	181	178	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**32.8**	**32.4**	**1.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	126	173	-27.1%
Nợ ngắn hạn	**126**	**173**	**-27.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.9	27.8	22.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.1	78.0	-29.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**331**	**331**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**331**	**331**	**0.0%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)